

Bản án số: 118/2019/HS-ST
Ngày 28/11/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phúc Thịnh;**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Thuật.**

Ông Nguyễn Văn Trình.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyền** – Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Ba Vì, TP. Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thái Bình** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Ba Vì - thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Văn H. Tên gọi khác: không, sinh năm: 1999. Nơi cư trú: Thôn Hợp Nhất, xã Ba Vì, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: /12. Con ông : Đặng Trung S, sinh năm 1977, con bà : Triệu Thị V, sinh năm 1978. Vợ, con: Chưa có. Tiền sự: không. Tiền án: Ngày 31/5/2016 TAND Huyện Ba Vì xử 30 tháng tù về tội cướp tài sản. Chấp hành xong hình phạt ngày 28/4/2018. Nhân thân: Ngày 25/9/2015 Công an xã Ba Vì xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực

an ninh trật tự. Ngày 01/3/2016 H đã chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Anh Dương Kim N, sinh năm 2000.

Trú quán: Thôn HN, xã BV, Huyện BV, Thành phố Hà Nội.

Ủy quyền cho chị Triệu Thị H1 , sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn HN, xã BV, Huyện BV, Thành phố Hà Nội. (Chị H1 có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Triệu Thị H1 , sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn HN, xã BV, Huyện BV, Thành phố Hà Nội.

- Anh Đặng Trung S, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn HN, xã BV, Huyện BV, Thành phố Hà Nội.

- Anh Hoàng Đức S1 , sinh năm 1979.

Trú quán: Thôn x , xã TM, Huyện BV, Thành phố Hà Nội.

(Chị H1, anh S1 có mặt tại phiên tòa, anh S1 2 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ ngày 06/01/2019 Đặng Văn H là bạn của anh Dương Kim N đến nhà anh Dương Kim N để ngủ nhờ. Khi đến nhà anh Dương Kim N, H thấy cửa nhà không khóa nên H vào trong nhà và thấy anh N đang ngủ nên H cũng nên giường ngủ cùng. Một lúc sau thì bạn của H gọi điện và rủ H đi chơi, do không có phương tiện để đi nên H đã lấy chìa khóa xe máy và 01 chiếc điện thoại di động ở gần vị trí anh N đang ngủ. Sau đó H ra sân đến vị trí chiếc xe máy nhãn hiệu VISION BKS: 29V1 - 239.20 (mà anh N để ngoài sân trước đó) và dùng chìa khóa vừa lấy được để mở khóa điện nổ máy và điều khiển ra khỏi nhà anh N. Sau khi lấy được số tài sản trên H mang đi bán với mục đích để có tiền tiêu sài cá nhân. Khi đi đến cơ sở tắm khoáng nóng do anh Hoàng Đức S1 - SN 1979 ở thôn 5 - Thuận Mỹ - Ba Vì làm chủ còn mở cửa. H

vào và gặp anh S1 rồi hỏi bán chiếc xe máy trên nhưng anh S1 không mua. Sau đó H đã vay của anh S1 số tiền 1.100.000 đồng rồi để xe máy ở đó để làm tin. Sau đó H thuê xe taxi đi chơi. Đối với chiếc điện thoại di động mà H đã lấy của anh N do không bán được cho ai nên H đã mang về và để ở nhà. Đến ngày 08/6/2019 H quay lại nhà anh S1 và tiếp tục hỏi bán chiếc xe đó nhưng do không có giấy tờ nên anh S1 không mua, đồng thời anh S1 cũng yêu cầu H phải trả lại số tiền đã vay. Do không bán được xe và sợ bị phát hiện nên H đã trốn khỏi địa phương.

Cơ quan CSĐT Công an Huyện Ba Vì đã ra Yêu cầu định giá tài sản đối với 01 chiếc xe máy và 01 ĐTDĐ mà H đã chiếm đoạt.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 24/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, kết luận: *01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu sơn trắng; biển số: 29V1 - 239.20; số khung: 430044; số máy: 0510208, xe đã qua sử dụng: 11.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng chẵn).*

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 93 ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, kết luận: *01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, loại S41, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEL 1: 359131083096883, số IMEL 2: 359131083096891: 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).*

Về vật chứng vụ án:

- Đối với chiếc xe máy, sau khi được cơ quan CSĐT Công an Huyện Ba Vì thông báo thì anh S1 mới biết đó là xe do H trộm cắp mà có nên đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra làm rõ, chiếc xe máy trên là thuộc quyền sở hữu của chị Triệu Thị H1 - SN 1978 ở HS, xã BV, huyện BV - Hà Nội (chiếc xe máy trên chị H1 cho anh N mượn). Do đó Cơ quan CSĐT Công an Huyện Ba Vì đã trả lại cho chị H1.

- Đối với chiếc điện thoại di động mà H đã chiếm đoạt, sau khi biết đó là tài sản do H trộm cắp nên ông Đặng Trung S (bố của H) đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Cơ quan CSĐT Công an Huyện Ba Vì đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về dân sự:

Sau khi nhận lại tài sản chị Triệu Thị H1 (người đại diện theo ủy quyền của bị hại) đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa:

Căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, lời khai nhận tội của các bị cáo, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện Ba Vì, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân Huyện Ba Vì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đặng Văn H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại CQĐT, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có HĐXX có đủ cơ sở để xác định: Ngày 06/01/2019 bị cáo Đặng Văn H đã có hành vi lén lút, lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản, đã chiếm đoạt được tài sản là 01 chiếc điện thoại di động và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu VISION BKS: 29V1 - 239.20. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 02 ngày 24/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố

tụng hình sự, kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu sơn trắng; biển số: 29V1 - 239.20; số khung: 430044; số máy: 0510208, xe đã qua sử dụng: 11.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng chẵn). Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 93 ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, loại S41, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEL 1: 359131083096883, số IMEL 2: 359131083096891: 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Như vậy HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của bị cáo Đặng Văn H đã lén lút, lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản, đã chiếm đoạt được tài sản là 01 chiếc điện thoại di động và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu VISION BKS: 29V1 - 239.20, thực hiện ngày 06/01/2019 đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định theo khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Do vậy việc truy tố bị cáo Đặng Văn H của Viện Kiểm sát nhân dân Huyện Ba Vì, để xét xử là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội và địa phương. Do vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện để giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đặng Văn H có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Đặng Văn H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, bị CQĐT truy nã, bị cáo tự nguyện về đầu thú, do vậy bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Qua phân tích, nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy: Bị cáo Đặng Văn H có nhân thân xấu. Ngày 25/9/2015 Công an xã Ba Vì xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự. Ngày 01/3/2016 H đã chấp hành xong. Có 01 tiền án: Tại bản án số: 50/2016/HSST, ngày 31/5/2016 TAND Huyện Ba Vì xử 30 tháng tù về tội cướp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 28/4/2018. Bị cáo mới đi chấp hành hình phạt tù về tại địa phương ngày 28/4/2018 đến ngày 06/01/2019 bị cáo Đặng Văn H lại tiếp tục phạm tội khi chưa được xóa án tích, lần phạm tội này được xác định là “tái phạm”. HĐXX xét thấy bị cáo Đặng Văn H có nhân thân xấu, chưa được xóa án tích, đang có tiền án nhưng bị cáo Đặng Văn H không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh cho mình, lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, do vậy cần thiết phải áp dụng Điều 38 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017 cách ly bị cáo Đặng Văn H ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, tuy nhiên khi lượng hình HĐXX cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Tại khoản 5 Điều 173 BLHS quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ, nhưng xét điều kiện và hoàn cảnh kinh tế gia đình của bị cáo rất khó khăn, bị cáo không có công ăn việc làm, đều sống phụ thuộc gia đình, do vậy HĐXX xem xét miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Đối với anh Hoàng Đức S1 là người cho bị cáo Đặng Văn H gửi nhờ chiếc xe máy nhãn hiệu VISION BKS: 29V1 - 239.20, mà bị cáo H trộm cắp được, khi bị cáo H gửi nhờ anh S1 ơn, anh S1 không biết chiếc xe máy này là do bị cáo H trộm cắp được mà có, anh S1 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra, CQĐT không có đủ căn cứ chứng minh anh S1 có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, CQĐT không xử lý anh S1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về dân sự.

Về vật chứng của vụ án :

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu VISION BKS: 29V1 - 239.20. Quá trình điều tra làm rõ, chiếc xe máy trên là thuộc quyền sở hữu của chị Triệu Thị H1 - SN 1978 ở HS, xã BV, huyện BV, Hà Nội (chiếc xe máy trên chị H1 cho anh N mượn). Do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Vì đã trả lại cho chị H1.

Đối với chiếc điện thoại di động mà H đã chiếm đoạt, sau khi biết đó là tài sản do H trộm cắp nên ông Đặng Trung Sáu (bố của H) đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Cơ quan CSĐT Công an Huyện Ba Vì đã trả lại cho chủ sở hữu.

☐n phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/ Xử : Tuyên bố bị cáo **Đặng Văn H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt : Bị cáo **Đặng Văn H : 18 (Mười tám)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03/10/2019.

3/ Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo : Áp dụng điều Điều 331 BLTTHS.

Bị cáo Đặng Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Dương Kim N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Chị Triệu Thị H1 , anh Đặng Trung S có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Anh Hoàng Đức S1 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Toạ phiên Toà

Nơi nhân:

- *TAND Tp. Hà Nội*

- *VKSND Ba vì*

- *Công an Ba vì.*

- *T.H.A Ba vì.*

- *Những người tham*

gia tố tụng.

Nguyễn Phúc Thịnh